

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRỰC NINH
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2017/HSST
Ngày: 11/7/2017

NHÂN DANH
NUỐC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRỰC NINH – TỈNH NAM ĐỊNH
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Xuân Mạnh.

Các Hội thẩm nhân dân :

Ông Nguyễn Văn Chuyết

Bà Đoàn Thị Dịu

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Trần Thanh Hiếu - Cán bộ TAND huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định .

Đại diện VKSND huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa:

Ông Phạm Quốc Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 7 năm 2017 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 34/2017/HSST ngày 08 tháng 6 năm 2017, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2017/TLST ngày 28/6/2017 đối với bị cáo:

Họ và tên : NGUYỄN VĂN T

Sinh năm: 1992

Trú tại: Thôn 15, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định.

Nghề nghiệp: Lao động tự do.

Trình độ văn hóa: 12/12.

Bố đẻ: Ông Nguyễn Văn Đ - SN 1964. Mẹ đẻ: Bà Ngô Thị T – SN 1966.

Vợ, con: Chưa có.

Tiền án, tiền sự: Chưa có.

Bị cáo bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định từ ngày 05/4/2017 đến nay.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại: Anh Phạm Văn Q – Sinh năm: 1991.

Địa chỉ: Đội 12, xã L, huyện T, tỉnh Nam Định.

Anh Q có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN;

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn T và anh Phạm Văn Q là bạn cùng làm tại công ty giày da A – thị trấn C, huyện Trục Ninh. Tối ngày 27/2/2017 T đến nhà anh Q chơi và ngủ qua đêm tại đây. Khoảng 7h ngày 28/2/2017, anh Q lấy xe mô tô Wave α BS 18E1 – 252.21 để đi làm và chở T cùng đi. Trên đường đi, T hỏi anh Q mượn xe để đi chơi và hỏi mượn cả giấy đăng ký xe. T hẹn 4 giờ chiều mang xe về trả. Anh Q đồng ý đưa xe cho T mượn. Đến cầu Vô Tình thuộc địa phận xã Liêm Hải, anh Q giao xe và giấy tờ xe cho T rồi đi vào công ty làm việc. Sau khi nhận xe và giấy tờ xe, do không có tiền ăn tiêu nên T nảy ý định đi bán chiếc xe mô tô của anh Q. T đi xuống thị trấn Q, huyện Giao Thủy để tìm người bán xe. T vào cửa hàng sửa chữa xe máy không quen biết của anh Vũ Văn N trú tại: Tổ dân phố L, thị trấn Q, huyện Giao Thủy, và bán xe mô tô cho anh N, T đưa chứng minh thư của mình cho anh N xem, anh N dùng điện thoại di động chụp lại chứng minh thư của T và trả giá mua xe là 11.000.000 đồng. T đồng ý và viết giấy chuyển nhượng cùng giấy đăng ký xe cho anh N, anh N đưa cho T 11.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền, T bắt xe đi Hà Nội chơi. Đến khoảng 16 giờ cùng ngày không thấy T mang xe về trả, anh Q điện thoại cho T hỏi nhưng T khất và hứa sẽ mang xe về, đến 20 giờ cùng ngày vẫn không thấy T mang xe về trả. Anh Q gọi cho T nhiều lần nhưng T không nghe rồi tắt điện thoại luôn. Sau khi ăn tiêu hết 11.000.000 đồng tiền bán xe, T bỏ trốn vào tỉnh Lâm Đồng. Ngày 04/4/2017 T về công an huyện Trục Ninh tự thú.

Kết luận định giá tài sản ngày 04/4/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Trục Ninh: chiếc xe mô tô Wave α BS 18E1 – 252.21 có trị giá 15.000.000 đồng (*mười lăm triệu đồng*).

Sau khi tìm hiểu anh Q biết chiếc xe mô tô của mình bị T bán cho anh N, anh Q và gia đình đã xuống cửa hàng của anh N để chuộc lại chiếc xe trên với giá 11.000.000 đồng rồi giao nộp cho CQCSĐT và đề nghị CQCSĐT Công an huyện Trục Ninh giải quyết theo quy định của pháp luật.

Quá trình điều tra gia đình Nguyễn Văn T đã thỏa thuận bồi thường cho anh Phạm Văn Q 11.000.000 đồng. Anh Q đã nhận đủ số tiền trên, không yêu cầu bồi thường thêm.

Tại cơ quan điều tra Nguyễn Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội đã nêu trên.

Tại bản cáo trạng số 34/QĐ - KSĐT ngày 08 tháng 6 năm 2017, VKSND huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội “*Lạm*

dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 1 Điều 140 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà, Đại diện VKSND huyện Trục Ninh vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo theo tội danh và điều luật đã viện dẫn tại bản cáo trạng nêu trên, sau khi luận tội đã đề nghị: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 140; điểm b, g, h, p khoản 1 Điều 46; khoản 2 Điều 46 BLHS. Xử phạt: Nguyễn Văn T từ 03 đến 06 tháng tù về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”. Trách nhiệm dân sự không đặt ra; Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ mức hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan CSĐT, VKSND huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo, người bị hại, những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong quá trình điều tra, truy tố đều hợp pháp với các qui định của pháp luật.

Tại phiên toà, Bị cáo Nguyễn Văn T đã khai nhận: Ngày 28/2/2017 sau khi mượn được xe mô tô của anh Q, do không có tiền tiêu bị cáo đã nảy sinh ý định chiếm đoạt, bị cáo đã mang xe xuống thị trấn Quất Lâm, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định bán cho anh Vũ Văn N với giá 11.000.000đ để lấy tiền ăn tiêu sau đó bỏ trốn. Đến ngày 04/4/2017 T đã hối hận biết là vi phạm pháp luật nên đã đến Công an huyện Trục Ninh đầu thú.

Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên toà phù hợp với lời khai của bị cáo tại CQCSĐT và phù hợp với các chứng cứ khác có trong hồ sơ như: Biên bản ghi lời khai của người bị hại, người làm chứng.

HĐXX xét thấy đã có đủ cơ sở để khẳng định: Hành vi mượn xe mô tô có giá trị 15.000.000đ rồi mang đi bán lấy tiền, sau đó bỏ trốn để nhằm chiếm đoạt tài sản của bị cáo Nguyễn Văn T đã có đủ yếu tố cấu thành tội “*Lạm dụng tín*

nhệm chiếm đoạt tài sản”. Tội phạm và hình phạt được qui định tại điểm a khoản 1 Điều 140 BLHS như cáo trạng số 34/QĐ-KSĐT của VKSND huyện Trực Ninh truy tố bị là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi của bị cáo là hành vi nguy hiểm cho xã hội bởi lẽ đã trực tiếp xâm hại quyền sở hữu về tài sản của công dân - là khách thể được BLHS ghi nhận và bảo vệ. Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo nhận thức được việc mượn tài sản rồi tự ý định đoạt sau đó bỏ trốn để chiếm đoạt tài sản của người khác là hành vi vi phạm pháp luật, nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Vì vậy, để đảm bảo trật tự pháp luật, giáo dục phòng ngừa chung tình hình tội phạm, việc áp dụng biện pháp, pháp lý hình sự đối với các bị cáo là điều cần thiết.

Xét tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội do bị cáo đã gây ra và nhân thân bị cáo, về tình tiết giảm nhẹ: tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; đã tự nguyện khắc phục hậu quả, người bị hại có đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo theo Q định tại điểm b, h; p khoản 1 Điều 46, khoản 2 Điều 46 BLHS, bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

Để vừa thể hiện các nguyên tắc nhân đạo, công bằng của chính sách hình sự của Nhà nước, vừa đảm bảo tác dụng giáo dục cải tạo bị cáo, tạo điều kiện cho bị cáo làm lại cuộc đời, cải tạo thành công dân có ích cho xã hội. HĐXX xét thấy bị cáo đủ điều kiện áp dụng mức án thấp nhất của khung hình phạt cũng đủ giáo dục dẫn đến bị cáo.

Tài sản đã được thu hồi, anh Q quản lý và không có yêu cầu bồi thường gì thêm nên HĐXX không xem xét.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án, ngày 27/02/2009 Buộc bị cáo phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố Nguyễn Văn T phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 140; điểm b, h, p khoản 1 Điều 46; khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt Nguyễn Văn T 03(ba) tháng, 06 (sáu) ngày tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giam từ ngày 05/4/2017 đến ngày 11/7/2017.

2. Áp dụng khoản 5 Điều 227 BLTTHS.

Tuyên bố: Trả tự do bị cáo Nguyễn Văn T ngay tại phiên tòa.

3. Án phí: Áp dụng Điều 99 BLTTHS, bị cáo Nguyễn Văn T phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Nam Định (1 bản).
- VKSND huyện Trực Ninh, VKSND tỉnh Nam Định (2 bản).
- Công an Huyện Trực Ninh (2 bản).
- Chi cục THADS Huyện Trực Ninh (1 bản).
- UBND xã T, huyện T, tỉnh Nam Định (1 bản).
- Lưu HSVA (2 bản).
- Lưu: VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Mai Xuân Mạnh